

Số: 355 /SNV-KHTC
V/v xây dựng dự toán NSNN năm 2026
và kế hoạch tài chính - NSNN
03 năm 2026 - 2028

Hưng Yên, ngày 16 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

Ngày 11/7/2025, Sở Tài chính ban hành Hướng dẫn số 53/HD-STC về việc xây dựng dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028.

Để tổng hợp, xây dựng dự toán NSNN năm 2026, Giám đốc Sở yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở (sau đây gọi chung là đơn vị) xây dựng dự toán NSNN năm 2026, lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Đánh giá tình hình nhiệm vụ thu NSNN năm 2025

- Đánh giá việc thực hiện dự toán được giao hoặc dự toán xác định lại sau điều chỉnh, sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật về thu NSNN và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; đánh giá đầy đủ từng khoản thu phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN (nếu có); không tổng hợp vào cân đối NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

- Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2025; trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN.

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2025

2.1. Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khó khăn, kiến nghị (nếu có).

2.2. Đánh giá thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2025 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng, chương trình mục tiêu quốc gia):

- Chi ĐTPT các chương trình, dự án.

+ Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT

nguồn NSNN năm 2025 (nếu có), chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực chi (trong đó tổng hợp đầy đủ kinh phí bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho giáo dục đào tạo, dạy nghề; cho công tác xây dựng pháp luật, chi y tế, dân số và gia đình - nếu có), theo các chỉ tiêu: thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 thuộc nguồn NSNN theo quy định tại Khoản 6 Điều 103 Luật Đầu tư công (đặc biệt là các dự án còn dở dang chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành, các dự án còn số dư tạm ứng các năm trước phải theo dõi để tiếp tục thu hồi, các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn để thanh toán nếu có); khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

+ Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2025 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2025 theo quy định); đánh giá, phân tích làm rõ nguyên nhân chậm giải ngân (nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

Các chương trình, dự án đầu tư công (cụ thể từng dự án): Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2025, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2026; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP có phụ biểu chi tiết theo từng nhóm dự án thuộc ngành, lĩnh vực; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn bố trí và thanh toán lũy kế đến hết năm 2024, kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2025, kế hoạch vốn năm 2025 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2025 (kèm theo thuyết minh nguyên nhân).

Đánh giá tình hình, thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện, giải ngân sang năm 2025, đặc biệt là các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2025 và các dự án chuyển tiếp giai đoạn sau theo tiến độ được phê duyệt theo từng dự án cụ thể (chi tiết tổng mức đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch vốn bao gồm kế hoạch vốn các năm đã bố trí và kế hoạch vốn các năm trước được cho phép kéo dài sang năm 2025, lũy kế vốn giải ngân từ khởi công, lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 đến thời điểm báo cáo, tiến độ thực hiện, khó khăn,...).

Đánh giá thực hiện đối với các nhiệm vụ chi đầu tư được giao từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi các năm 2021-2024 được quyết định thực hiện trong năm 2025 và nguồn dự phòng ngân sách các cấp năm 2025 (nếu có).

Đánh giá tình hình thu hồi vốn ứng trước (kế hoạch vốn đã bố trí để thu hồi ứng năm 2025; số vốn ứng còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn (NSTW, NSDP), căn cứ xác định trách nhiệm bố trí vốn thuộc Trung ương hay địa phương, khả năng bố trí đủ vốn để thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định trong năm 2025.

Đánh giá tình hình chi ĐTPT theo phương thức đối tác công tư, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương

thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2025 (nếu có).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; số vốn đầu tư công đã thanh toán vượt giá trị quyết toán được phê duyệt nhưng chưa thu hồi nộp NSNN; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2025, dự kiến đến hết năm 2025; nguyên nhân.

2.3. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ tín dụng nhà nước năm 2025:

Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2025 (huy động vốn; tăng trưởng tín dụng, giải ngân, thu nợ gốc, dư nợ cho vay,...); việc cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

2.4. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao và thực hiện dự toán trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 đối với các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN năm 2025 ngoài phạm vi Luật đầu tư công (Chỉ cho Quỹ hỗ trợ đầu tư tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, chi đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền); tồn tại, khó khăn, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

2.5. Đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 và ước thực hiện năm 2025 về tổng nguồn lực huy động và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

3. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2025

Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi (tiền lương, chi bộ máy...) sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

a) Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 theo từng lĩnh vực chi được giao. Trong đó báo cáo cụ thể chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật; chi y tế, dân số và gia đình (nếu có); nhiệm vụ chi được bố trí từ 02 nguồn thường xuyên và đầu tư theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn sử dụng nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, cụ thể:

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các chế độ, chính sách không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành.

- Tình hình tinh giản biên chế, chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng và

cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2025. Trong đó, chi tiết số đối tượng đã nghỉ đến ngày 30/6/2025, dự kiến nghỉ 6 tháng cuối năm, nhu cầu kinh phí và số kinh phí đã chi trả chính sách quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, số đã đề xuất và số dự kiến đề xuất NS bố trí dự toán trong các tháng cuối năm.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu số 04a đính kèm)

- Tình hình bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Đánh giá kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, gồm giảm chi thường xuyên (chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi hoạt động bộ máy); giảm chi ĐTPT (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở,...).

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu số 04b, 04c đính kèm)

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2025 theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

- Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025.

4. Đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác năm 2025 và các năm 2021-2025

4.1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ các quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng; các đơn vị dự toán NSNN, đơn vị sử dụng NSNN đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2025 (chi tiết dự toán các năm trước chuyển sang năm 2025 theo quy định để thực hiện và dự toán năm 2025 được giao - nếu có), khả năng sử dụng và giải ngân phần dự toán chưa giao năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 160/2024/QH15 của

Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2025 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có). Trong đó:

a) Cơ quan chủ chương trình chủ trì, cơ quan chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần báo cáo việc ban hành/trình ban hành sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan (nếu có); đánh giá việc phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) và việc chấp hành quy định về cân đối, bố trí vốn đối ứng của địa phương.

b) Cơ quan chủ chương trình đánh giá tình hình sửa đổi, bổ sung/trình sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan theo phân cấp (nếu có); phân bổ, sử dụng NSNN (trong đó, các địa phương báo cáo về dự toán được hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW, đối ứng của địa phương theo quy định), chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, nguồn vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

c) Đánh giá tình hình giao dự toán, phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) năm 2025, lũy kế năm 2021-2025; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

d) Báo cáo chi tiết việc phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57/NQ-TW, chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề, chi y tế, dân số và gia đình (nếu có).

4.2. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030: đánh giá việc hoàn thiện thể chế (nếu có), việc phân bổ, thực hiện dự toán giao năm 2025. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn nước ngoài, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có). Đánh giá lũy kế kinh phí được giao, tình hình phân bổ và sử dụng NSNN đến hết năm 2025 so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp (nếu có).

5. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn nước ngoài

5.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2025, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2025 (nếu có) chi tiết theo dự án, nhà tài trợ, nguồn vốn: vốn vay (vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ bổ sung dự toán; khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp.

5.2. Đánh giá tình hình thực hiện, kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao; vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); làm rõ nguyên nhân giải ngân chậm, trách nhiệm của các đơn vị với vai trò là cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn

vị có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

6. Đánh giá thực hiện tạo nguồn, sử dụng nguồn cải cách tiền lương năm 2025

Các đơn vị đánh giá việc thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 theo quy định và việc sử dụng để thực hiện chính sách tiền lương, chế độ, chính sách tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và các nhiệm vụ được phép chi từ nguồn cải cách tiền lương theo các văn bản của cấp có thẩm quyền.

7. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2025

Ngoài các yêu cầu quy định nêu trên, các đơn vị đánh giá bổ sung một số nội dung sau:

7.1. Khả năng thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2025 của đơn vị sau sáp nhập, theo từng lĩnh vực chi, trong đó báo cáo rõ số phân bổ cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; chi y tế dân số và gia đình (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết: nguồn NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP); nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn nước ngoài (gồm vốn vay và viện trợ không hoàn lại); trong đó tập trung đánh giá các nội dung:

a) Đối với nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công:

- Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có); tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng năm 2025; dự kiến số còn lại đến hết năm 2025 (nếu có); kiến nghị xử lý.

- Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSDP 6 tháng đầu năm và đánh giá cả năm 2025.

- Tình hình giao, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn ĐTPT nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 6 tháng đầu năm, đánh giá cả năm 2025.

- Tình hình phê duyệt, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ các nguồn thu được để lại theo chế độ: nguồn thu phí, thu sự nghiệp công được để lại và nguồn thu hợp pháp khác, chi tiết từng lĩnh vực chi.

b) Tình hình phân bổ, giao dự toán, giải ngân dự toán chi ĐTPT năm 2025 ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (nếu có).

c) Tình hình chấp hành các quy định về đầu tư công, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực này.

d) Kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và các kiến nghị (nếu có).

7.2. Báo cáo việc bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2025 của các đơn vị cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; bảo vệ môi trường, y tế dân số và gia đình (nếu có).

7.3. Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành trên địa bàn năm 2025:

Các đơn vị báo cáo chi tiết số đối tượng thụ hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2025), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách chi an sinh xã hội theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các nhóm chính sách an sinh xã hội do trung ương và tỉnh ban hành; nhu cầu sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội thay cho phần NSNN hỗ trợ (nếu có), số kinh phí NSNN còn phải hỗ trợ.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu số 01 đính kèm).

7.4. Báo cáo tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau sắp xếp

a) Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2025.

b) Nhu cầu kinh phí để thực hiện tiền lương năm 2025.

c) Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao; số thu được để lại theo chế độ năm 2025; nguồn cải cách tiền lương năm 2024 còn dư chuyển sang (nếu có), dự kiến nguồn cải cách tiền lương còn dư đến hết năm 2025.

d) Việc sử dụng các nguồn lực theo quy định để chi trả chế độ theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và số đề xuất ngân sách hỗ trợ theo quy định.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu số 02d đính kèm).

7.5. Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra.

8. Đánh giá thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2025

Các đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đánh giá hiệu quả hoạt động; báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2025 gắn với hiệu quả hoạt động; lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2025 so với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 (nếu có); các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

9. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

9.1. Đơn vị báo cáo các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN) đánh giá các khoản thu phí được để lại năm 2025 theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

9.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2025, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị), nhiệm vụ chi thường xuyên, chi tiết theo từng lĩnh vực chi; trong đó cụ thể đối với các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật (nếu có).

9.3. Dự kiến nguồn thu hợp pháp còn lại cuối năm 2025.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

1. Yêu cầu

1.1. Dự toán NSNN năm 2026 được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản pháp luật khác có liên quan phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, dự kiến kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, các mục tiêu theo các Nghị quyết của các cấp; các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương theo quy định, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; có đầy đủ cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với đánh giá tình hình thực hiện năm 2025 và 03 năm 2023-2025.

1.2. Các đơn vị khi xây dựng dự toán phải rà soát chính sách, chế độ hiện hành, lồng ghép, bãi bỏ các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện; dự kiến đầy đủ nhu cầu NSNN theo phân cấp thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định của pháp luật về NSNN và đầu tư công. Trường hợp đề xuất dự toán chi theo chủ trương của cấp có thẩm quyền, cần chi tiết nội dung chi và cơ sở xác định dự kiến kinh phí. Không bố trí dự toán chi cho các chính sách, chế độ chưa ban hành.

1.3. Tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026

2.1. Nguyên tắc chung:

a) Dự toán thu NSNN năm 2026 được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, các Luật về thuế, phí, lệ phí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, phù hợp với tình hình thực hiện các năm trước. Phải bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài

chính trong và ngoài nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật.

b) Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu.

2.2. Xây dựng dự toán thu:

- Đối với các khoản thu không tổng hợp vào cân đối NSNN theo quy định (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại theo quy định), các đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

- Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Việc xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025 (số dự toán được giao, số vốn tiếp nhận từ nhà tài trợ, số vốn thực hiện); văn kiện của Chương trình, dự án, phi dự án hoặc khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt; các văn bản về cam kết viện trợ, thư viện trợ hoặc văn bản về ý định viện trợ của nhà tài trợ; tiến độ triển khai thực tế, khả năng phát sinh và thực hiện mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, chủ chương trình/dự án/phi dự án và cơ quan dự toán cấp I (cơ quan chủ quản) cần xác định tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, chi tiết từng nội dung/lĩnh vực chi (trong đó chi tiết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục đào tạo, dạy nghề; chi y tế dân số và gia đình; xây dựng pháp luật – nếu có), phân định rõ nguồn vốn theo phân cấp theo quy định về quản lý NSNN (nếu có).

Đối với các khoản viện trợ đã tiếp nhận từ năm 2025 trở về trước chưa có trong dự toán được giao, các đơn vị lập và tổng hợp vào dự toán năm 2026 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, làm cơ sở để thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026

3.1. Nguyên tắc xây dựng:

a) Đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; căn cứ chế độ, chính sách hiện hành và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định.

b) Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết

kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán NSNN.

c) Sắt khả năng thực hiện và nguồn đảm bảo, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Rà soát các nhiệm vụ trùng lặp, nhiệm vụ kết thúc năm 2025; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2026; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và triển khai thực hiện ngay khi được giao kinh phí, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

3.2. Xây dựng dự toán chi ĐTPT:

a) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của pháp luật về NSNN và đầu tư công, các văn bản pháp luật khác có liên quan không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công.

Đề xuất phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030 và quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 tỉnh Hưng Yên (nếu có).

b) Đối với dự toán chi từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư ngoài cân đối NSNN (trừ các các nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế tài chính đặc thù theo Nghị quyết số 104/2023/QH15, Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 160/2024/QH15), thực hiện theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị); gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

3.3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Trên cơ sở pháp luật NSNN, pháp luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; các Nghị quyết Bộ Chính trị (Nghị quyết số 57-NQ/TW, số 66-NQ/TW...) và các Nghị quyết Quốc hội; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên (nếu có) và chính sách, chế độ, định mức chi NSNN hiện hành; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ; số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2026, các đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi bảo đảm đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người,

chi an sinh xã hội, xác định cụ thể mức tăng giảm so với dự toán năm 2025 sau sắp xếp.

Đối với kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, dự toán tương ứng ở các lĩnh vực chi trên cơ sở Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2026 theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025.

Đối với kinh phí chi trả đối tượng hưu do NSNN bảo đảm, dự toán trên cơ sở Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng, chi tiết sự nghiệp bảo đảm xã hội, sự nghiệp y tế.

Đối với nội dung sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính; nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

b) Dự toán chi thường xuyên năm 2026 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Nghị quyết số 60-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 11 (Khóa XIII) và Kết luận số 127-KL/TW, số 130-KL/TW, số 137-KL/TW của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI; trong đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm so với năm 2025; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm tài sản công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2026 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2025 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, biên chế trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác của các lĩnh vực chi NSNN: các đơn vị lập dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

Các đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, xác định các nhiệm vụ trọng tâm theo Công văn số 2362/BTNMT-KHTC ngày 23/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cần làm rõ:

- Số biên chế năm 2025 (sau sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính) theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền (nếu có), số biên chế dự kiến giảm theo các Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2025.

- Lập dự toán chi hoạt động thường xuyên theo định mức:

+ Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, các cơ quan lập dự toán chi trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế được giao.

+ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, nhưng năm 2025 đã được giao biên chế: Các đơn vị lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế giao năm 2025 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

+ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2025 và 2026: Các đơn vị lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và số biên chế theo Đề án sắp xếp đã báo cáo Sở Nội vụ (nếu có) hoặc theo số biên chế có mặt tại thời điểm 31/12/2024 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Lập dự toán Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định trên cơ sở:

+ Biên chế xác định như trên.

+ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 lớn hơn số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, quỹ lương được xác định bao gồm: (i) quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/7/2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và (ii) quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các

khoản đóng góp theo quy định. Số biên chế được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt được tính tăng thêm theo chế độ quy định.

+ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 nhỏ hơn số biên chế theo Đề án sắp xếp hoặc chưa được giao cả năm 2025 và năm 2026 thì quỹ lương năm 2026 được xác định dựa trên quỹ lương tại thời điểm sắp xếp tính giảm theo chủ trương tinh giản biên chế.

- Lập dự toán quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Lập dự toán đối với các trường hợp có chính sách hỗ trợ riêng như người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

- Xây dựng dự toán đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trên cơ sở số lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao hưởng lương ngân sách nhà nước. Tính toán theo nguyên tắc mức lương trong hợp đồng lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng (nơi người lao động làm việc) do Chính phủ quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động. Cụ thể:

+ Đối với hợp đồng có mức hiện hưởng (gồm lương và các khoản phụ cấp - nếu có) thấp hơn mức lương tối thiểu vùng thì lấy bằng mức lương tối thiểu vùng.

+ Đối với hợp đồng có mức hiện hưởng (gồm lương và các khoản phụ cấp - nếu có) cao hơn mức lương tối thiểu vùng:

Các đơn vị được áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật lao động hoặc áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức phù hợp với khả năng ngân sách của đơn vị. Trường hợp thỏa thuận áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức thì các loại phụ cấp được hưởng (nếu có) được tính vào tiền lương; chế độ nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức.

Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ tiền lương cho hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP theo bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; các loại phụ cấp được hưởng (nếu có) được tính vào tiền lương; chế độ nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức. Căn cứ xác định tính theo Quyết định nâng bậc lương thường xuyên gần nhất của hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Lập dự toán các khoản chi đặc thù năm 2026 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi,

chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các quy định khác có liên quan trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Các đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện, tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật theo mục tiêu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của pháp luật có liên quan và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI, kèm thuyết minh chi tiết.

h) Đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý, khai thác tài sản công (trong đó có nhà, đất), cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN theo phân cấp.

i) Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay (ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức):

Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, Hiệp định, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước).

Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại (đối với các nhiệm vụ chuyển tiếp), đơn vị được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

Các chương trình, dự án, do một số sở, ngành và các địa phương cùng tham gia: các đơn vị lập dự toán chi từ nguồn vốn nước ngoài và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi sở chủ quản tổng hợp gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định; đối với các chương trình, dự án chuyển tiếp, đồng gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án tổng hợp, theo dõi.

k) Dự kiến kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, gồm giảm chi thường xuyên tại các lĩnh vực chi (quỹ lương, chi hoạt động bộ máy); giảm chi ĐTPT tại các lĩnh vực chi (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở,...).

l) Các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình, nhu cầu thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2026,

trên cơ sở đó đề xuất phương án phân bổ dự toán NSNN theo pháp luật chuyên ngành, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án, đề án có đủ căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đúng tính chất nguồn vốn đầu tư/thường xuyên theo quy định của pháp luật, trong phạm vi tổng mức số kiểm tra được thông báo (nếu có); chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất; xác định tổng nhu cầu kinh phí, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán, gửi sở chủ quản tổng hợp, xem xét gửi Sở Tài chính cùng với báo cáo dự toán NSNN năm 2026 để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.4. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 và các chương trình, dự án, đề án khác:

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021-2025; tình hình trình, phê duyệt chủ trương, quyết định xây dựng các văn bản hướng dẫn các CTMTQG giai đoạn 2026-2030: các đơn vị chủ quản chương trình, chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026, chi tiết mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi tiết theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, cơ cấu chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NS cấp trên, NSDP, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có), đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, quyết định phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, gửi sở chủ quản tổng hợp gửi Sở Tài chính cùng với báo cáo dự toán NSNN năm 2026.

3.5. Dự toán nguồn, nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công năm 2026:

a) Về nguồn cải cách tiền lương

Các đơn vị lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Về nhu cầu hỗ trợ kinh phí

Dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện năm 2026 trên cơ sở đảm bảo các chính sách, chế độ tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội theo các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP năm 2024 của Chính phủ sau khi đã sử dụng các nguồn thực hiện của cơ quan, đơn vị theo quy định.

3.6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và chính sách, chế độ khi sắp xếp bộ máy theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (kèm thuyết minh chi tiết). Dự kiến việc sử dụng các nguồn

hợp pháp của đơn vị theo quy định. Đề xuất dự toán năm 2026 đối với phần chưa cân đối được.

3.7. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ: Các đơn vị thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của sở.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2026; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2026 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2026 của đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Căn cứ, yêu cầu, nguyên tắc chung

- Việc đánh giá tình hình thực hiện năm 2025, lập dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo tuân thủ các căn cứ, yêu cầu, nguyên tắc quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hướng dẫn này.

- Kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bố trí trong lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về NSNN, đầu tư công.

- Phạm vi tổng hợp đề xuất các nhiệm vụ gồm:

+ Các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSDP.

+ Các nhiệm vụ chi thường xuyên của NSDP.

2. Đánh giá thực hiện năm 2025 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Rà soát, đánh giá, tình hình thực hiện phân bổ, giải ngân năm 2025 đến hết tháng 06/2025 và dự kiến cả năm 2025, bao gồm chi NSNN trực tiếp từ lĩnh vực khoa học, công nghệ và chi cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được bố trí từ tất cả các lĩnh vực chi NSNN khác

(chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06...). Trong đó làm rõ các nhiệm vụ kết thúc năm 2025 và kinh phí đã bố trí năm 2025 tương ứng, các nhiệm vụ chuyển tiếp (tổng kinh phí phê duyệt, số đã bố trí năm 2025 và tổng số lũy kế đến hết năm 2025, số còn phải bố trí).

3. Lập dự toán năm 2026 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Các nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2025 sang năm 2026 (nguồn ĐTPT và kinh phí thường xuyên):

a) Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trước đến nay vẫn đang được bố trí trong lĩnh vực khoa học, công nghệ tiếp tục tổng hợp trong lĩnh vực này.

b) Đối với các nhiệm vụ chi bản chất là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo pháp luật chuyên ngành từ trước đến nay đang bố trí trong các lĩnh vực chi NSNN khác như đã quy định tại mục 2 phần III hướng dẫn này, các đơn vị tổng hợp vào lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

3.2. Các nhiệm vụ mới phát sinh từ năm 2026 (nguồn ĐTPT và kinh phí thường xuyên): Các đơn vị lập dự toán năm 2026 theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số (chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06...)....., trong đó báo cáo rõ kinh phí thực hiện/và không thực hiện theo cơ chế quỹ, tổng hợp vào lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

IV. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2026-2028

1. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch 03 năm 2026-2028

Thực hiện quy định tại Luật NSNN số 83/2015/QH13, số 56/2024/QH15, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; các Nghị quyết Trung ương và Kết luận của Bộ Chính trị về tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị

quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP, số 178/2024/NĐ-CP, số 67/2025/NĐ-CP, số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ; nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi ĐTPT giai đoạn 2026-2030 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên năm NSNN (nếu có); căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31/3/2025; căn cứ các thỏa thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn nước ngoài đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2026-2028; quy định về thời kỳ ổn định NSNN; căn cứ dự toán ngân sách năm 2026 lập theo quy định tại hướng dẫn này, các đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 theo quy định, trong đó lưu ý:

1.1. Việc xây dựng dự toán năm 2026 thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn này và mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; đối với 02 năm 2027-2028 được giả định tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách năm 2026.

1.2. Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2026-2028 tăng hoặc giảm lớn so với dự toán năm 2026 và ước thực hiện chi năm 2025 (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm); các đơn vị có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

1.3. Dự toán chi năm 2026-2028 xây dựng căn cứ các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP và số 77/2024/NĐ-CP của Chính phủ và lộ trình các năm 2026-2028 đã được phê duyệt (nếu có).

2. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2026-2028

2.1. Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2026-2028 được lập theo yêu cầu quy định tại mục 1, phần IV Hướng dẫn này, đồng thời:

a) Căn cứ khả năng phát triển kinh tế của tỉnh, từng ngành nghề, lĩnh vực trong các năm 2026-2028 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; dự toán thu năm 2026; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế và thay đổi chính sách của các nước trên thế giới như thuế tối thiểu toàn cầu.

b) Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức.

c) Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

2.2. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (nếu có) các năm 2026-2028, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

2.3. Đối với các khoản thu được để lại, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu, chi riêng theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2026-2028

3.1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2026-2028 của các đơn vị được lập theo hướng dẫn tại mục 1, phần IV và dự toán năm 2026 được lập theo hướng dẫn tại phần II Hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các chủ trương mới của Đảng, Nhà nước về sắp xếp Bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, ưu tiên các lĩnh vực theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, số 66-NQ/TW, tiếp tục triển khai các Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026, các đơn vị đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2026 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2026-2028.

3.3. Đối với cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đồng thời với việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2026-2028 (phần sở, cơ quan trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành/kết thúc từng năm của giai đoạn 2026-2028 trên phạm vi toàn tỉnh kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3.4. Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, dự toán thu NSNN năm 2026 được lập ở phần II Hướng dẫn này, các đơn vị lập kế hoạch thu NSNN năm 2026-2028, trong đó:

a) Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; dự kiến triển khai các chính sách thu mới; yêu cầu chống thất thu, xử lý thu hồi nợ đọng, chống chuyển giá, chống gian lận thuế.

b) Đối với nguồn thu phí, lệ phí, việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành; tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần thu phí nộp NSNN năm 2026-

2028; lập kế hoạch riêng nguồn thu được để lại, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không có trong danh mục phí) để quản lý, giám sát và tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đối tượng này.

3.5. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu theo chế độ phân cấp được cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến số bổ sung từ NS cấp trên cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2026-2028; các đơn vị lập kế hoạch chi NS năm 2026-2028, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên đối với các chế độ, chính sách của trung ương cho từng năm của giai đoạn 2026-2028; đối với các nhiệm vụ chi mới của đơn vị trong từng năm của giai đoạn 2026-2028, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của đơn vị trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm.

4. Lập kế hoạch nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3.6 Mục 3 Phần II Hướng dẫn này.

V. BIỂU MẪU, THỜI GIAN LẬP VÀ BÁO CÁO DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NSNN 03 NĂM 2026-2028

1. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028

1.1. Đối với dự toán năm 2026, áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các mẫu biểu số 01, số 02 (a,b,c,d,e), số 03, số 04 (a,b,c), số 05 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

1.2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

2. Thời gian lập dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028

Các đơn vị lập dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 theo Hướng dẫn số 53/HD-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính (*Gửi kèm Hướng dẫn số 53/HD-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính*) và nội dung công văn này. Gửi dự toán, kèm theo đầy đủ mẫu biểu (*gửi kèm theo*), báo cáo thuyết minh và hồ sơ, tài liệu có liên quan, gửi Sở Nội vụ qua Phòng Kế hoạch - Tài chính **trước ngày 05/8/2025**. Các đơn vị gửi dự toán cho công chức Phòng Kế hoạch - Tài chính, cụ thể như sau:

- Kế toán Văn phòng Sở là đầu mối triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các phòng thuộc Sở xây dựng dự toán của cơ quan Sở theo các nội dung hướng dẫn nêu trên, tổng hợp dự toán và kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026 - 2028, gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính (*đồng chí Lê Thị Thủy, SĐT: 0945929959, Email: lethuy107@gmail.com*).

- Ban Thi đua khen thưởng; Ban Dân tộc - tôn giáo: Gửi dự toán cho đồng chí Nguyễn Thị Hương (SĐT: 0915638289, Email: huongnguyentdkt@gmail.com)

- Trung tâm Dịch vụ việc làm: Gửi dự toán cho đồng chí Nguyễn Thái Sơn (SĐT: 0915149573, Email: ntson.thaibinh@gmail.com).

- Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công: Gửi dự toán cho đồng chí Trương Văn Hòa (SĐT: 0862170488, Email: truonghoa8888@gmail.com).

- Trung tâm Lưu trữ lịch sử: Gửi dự toán cho đồng chí Nguyễn Thị Hồng Xuyên (SĐT: 038.991.3282, Email: xuyenntth90@gmail.com)

- Tổng hợp dự toán toàn ngành: Đồng chí Trương Văn Hòa (SĐT: 0862170488, Email: truonghoa8888@gmail.com).

3. Thời gian thảo luận dự toán năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028

- Phòng Kế hoạch - Tài chính (thuộc Sở Nội vụ) phối hợp với Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp (thuộc Sở Tài chính) làm việc với các đơn vị để tính toán dự toán kinh phí tự chủ (đối với các cơ quan hành chính nhà nước) và dự toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập).

- Lịch làm việc, thảo luận dự toán NSNN năm 2026 đối với các đơn vị, Sở Nội vụ sẽ thông báo sau khi thống nhất với Sở Tài chính.

Trong quá trình xây dựng dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ qua phòng Kế hoạch - Tài chính (đồng chí Trương Văn Hòa) để được hướng dẫn và phối hợp giải quyết hoặc tổng hợp báo cáo cấp trên xem xét, quyết định đối với những nội dung công việc vượt cấp. /*Anh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: SỞ NỘI VỤ
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN
Ngày ký: 14/04/2025 14:40:58
Hà Tiên Phụng